

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : T0642012 - Auto CAD căn bản

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Phan Anh	Duy	3371010079	27/01/1991	,00	,00	,00	CT
2	Võ Văn	Trọng	3541010135	16/04/1993	,00	,00	,00	CT
3	Bùi Quang	Phúc	3541010150	06/05/1993	,00	,00	,00	CT
4	Phan Lê Hoàng	Vũ	3541010158	29/11/1993	,00	,00	,00	
5	Nguyễn Cảnh	Ngọc	3541010165	03/12/1990	4,00	1,00	2,50	
6	Phù Kim	Quang	3541010167	30/05/1993	,00	,00	,00	CT
7	Nguyễn Văn	Hào	3541010170	05/08/1992	2,50	,00	1,30	
8	Lê Hữu	Nhân	3541010172	07/04/1992	4,50	,00	2,30	
9	Võ Chí	Toàn	3541010177	27/01/1993	,00	,00	,00	CT
10	Phan Văn	Đức	3541010194	09/10/1992	,00	,00	,00	
11	Lưu Trung	Nghĩa	3541010200	19/10/1992	3,50	2,00	2,80	
12	Trần Ngọc	Sanh	3541010201	25/03/1992	1,50	4,00	2,80	
13	Võ Đình	Tiến	3541010202	22/08/1993	,00	,00	,00	CT
14	Nguyễn Đại	Thạch	3541010206	15/03/1993	,00	,00	,00	CT
15	Nguyễn Đình	Tuyên	3541010214	10/02/1992	,00	,00	,00	
16	Lê Anh	Dũng	3541010220	25/08/1992	,00	,00	,00	
17	Lê Công	Bình	3541010230	03/02/1993	,00	,00	,00	CT
18	Phạm Bảo	Tánh	3541010232	20/03/1993	,00	,00	,00	
19	Đào Công	Võ	3541010235	08/07/1993	,00	,00	,00	CT
20	Nguyễn Diên Tuấn	Anh	3541010245	19/08/1992	,00	,00	,00	
21	Lý Thanh	Hùng	3541010250	19/09/1992	5,50	,00	2,80	
22	Lê Như	Phong	3541010256	01/01/1993	,00	,00	,00	CT
23	Nguyễn Tấn	Huy	3541010271	19/01/1993	,00	,00	,00	CT
24	Nguyễn Văn	Mạnh	3541010286	10/02/1992	,00	,00	,00	CT
25	Phạm Hoài	Tiến	3541010441	02/03/1991	,00	,00	,00	CT

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)